

CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TRẦN VĂN GIAO*

1 - Những kết quả đạt được

Việt Nam thực hiện cải cách tài chính công chưa được bao lâu, nhưng những kết quả đạt được trong cải cách là rất cơ bản.

Hệ thống thuế: Sau gần 8 năm thực hiện cải cách, chính sách thuế đã được đổi mới theo hướng thích ứng dần với cơ chế thị trường và phù hợp với thông lệ quốc tế. Thuế đã bảo đảm nguồn tài chính chủ yếu để thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng. Trong hệ thống chính sách thuế đã từng bước giảm dần sự phân biệt giữa các thành phần kinh tế, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi để các doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, đẩy mạnh xuất khẩu; thủ tục hành chính trong thu nộp thuế được đơn giản hóa, công tác quản lý thuế được đổi mới và dần được hiện đại hóa.

Chính sách thuế tiếp tục được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện theo hướng áp dụng thống nhất đối với các loại hình doanh nghiệp và bước đầu phù hợp với thông lệ quốc tế, góp phần khuyến khích đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh.

Ngân sách nhà nước: Ngân sách này đã được cơ cấu lại theo hướng giảm các khoản chi bao cấp, tăng dần tỷ lệ chi cho đầu tư phát triển, tập trung ưu tiên chi cho những nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội quan trọng và giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc. Công tác quản lý và phân cấp ngân sách đã có những đổi mới cơ bản, nâng cao quyền chủ động và trách nhiệm của các đơn vị, các địa phương và các ngành sử dụng ngân sách; giảm được nhiều khâu, thủ tục không

* TS. Học viện Chính trị — Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

cần thiết trong cấp phát ngân sách, tập trung vào công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tài chính. Bộ chi ngân sách nhà nước được xử lý theo hướng tích cực và được kiểm chế trong giới hạn cho phép. Giải quyết thành công cơ cấu lại nợ nước ngoài, tỷ lệ nợ nước ngoài được khống chế ở mức an toàn theo thông lệ quốc tế, tạo điều kiện giữ vững an ninh tài chính quốc gia. Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực tài chính bước đầu đã thu được kết quả tích cực.

Cơ chế tài chính đối với đơn vị hành chính sự nghiệp: Trên cơ sở phân định rõ các đơn vị hành chính với đơn vị sự nghiệp, tiến hành áp dụng cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan hành chính, Nhà nước đã ban hành Nghị định số 130/2005/NĐ - CP, ngày 17-10-2005 "Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước" và Nghị định số 43/2006/NĐ - CP, ngày 25-4-2006 "Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập". Tóm lại, cơ chế tài chính đối với khu vực hành chính sự nghiệp được đổi mới về cơ bản theo hướng tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính. Cơ chế tài chính trong việc cung cấp dịch vụ công theo hướng khuyến khích các tổ chức kinh tế và nhân dân đầu tư để thực hiện và cung cấp một số dịch vụ công, đẩy mạnh xã hội hóa một số lĩnh vực sự nghiệp, thu hút được nguồn nội lực đáng kể cho phát triển sự nghiệp.

Cơ chế tài chính trong lĩnh vực quản lý tài sản công: Cơ chế này đã được hoàn thiện nhằm tăng cường huy động các nguồn lực tài chính cho phát triển kinh tế - xã hội. Bước đầu đã hình thành hệ thống các văn bản pháp quy trong lĩnh vực quản lý tài sản nhà nước, bao gồm các chế độ, định mức, tiêu chuẩn, vừa tạo thuận lợi cho đơn vị sử dụng, vừa có tác dụng nâng cao kỷ luật, kỷ cương tài chính, tăng cường trách nhiệm các cấp, các ngành, các đơn vị trong quản lý và sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài sản nhà nước, từng bước xác lập chủ sở hữu đích thực về tài sản nhà nước. Hình thành thống nhất tổ chức quản lý tài sản nhà nước từ trung ương đến địa phương.

Huy động và sử dụng nguồn vốn ODA: Nguồn vốn ODA đã được sử dụng để khôi phục, nâng cấp và xây dựng mới hàng loạt các dự án quốc gia quy mô lớn trong các lĩnh vực giao thông, điện, thủy lợi, cấp thoát nước, y tế, giáo dục và đào tạo. Đồng thời, vốn ODA cũng được chú trọng hơn vào lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, thủy sản, sản xuất và chế biến hàng xuất khẩu, lĩnh vực du lịch và dịch vụ, góp phần thúc đẩy sự gia tăng giá trị sản lượng nông nghiệp và tạo ra nguồn thu ngoại tệ để trả nợ nước ngoài. Nhờ vậy, nguồn vốn ODA đã đóng góp tích cực phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH, giải quyết các vấn đề xã hội và xóa đói giảm nghèo. Nguồn vốn ODA cho vay lại đối với các doanh nghiệp đã đáp ứng nhu cầu cấp bách về vốn để thực hiện các mục tiêu đầu tư cho các doanh nghiệp, thực hiện đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và nâng cao đời sống cho người lao động.

Thu hút vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài: Việc gia tăng vốn đầu tư thực hiện thể hiện môi trường đầu tư và kinh doanh ở nước ta đã ngày càng được cải thiện, tạo điều kiện để các dự án sau khi được cấp phép triển khai có hiệu quả. Trong 2 năm gần đây, cơ cấu đầu tư nước ngoài có chuyển biến tích cực, đặc biệt là việc gia tăng tỷ trọng đầu tư vào kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật của một số ngành mũi nhọn và một số lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp.

Quản lý nợ nước ngoài: Đã thực hiện thành công quá trình cơ cấu lại các khoản nợ trước đây của Việt Nam đối với các chủ nợ nước ngoài, làm giảm đáng kể nghĩa vụ trả nợ của Việt Nam, tạo điều kiện khai thông quan hệ tài chính - tín dụng với các tổ chức quốc tế và các chính phủ nước ngoài. Thực hiện thanh toán trả nợ với các khoản vay mới và các khoản đã cơ cấu lại nợ đã bảo đảm trả nợ đúng như các hiệp định đã ký, không để phát sinh nợ quá hạn. Đã linh hoạt xử lý theo hướng chuyển đổi một phần nợ nước ngoài thành các khoản tài trợ cho các dự án đầu tư trong nước; xử lý giảm số nợ thông qua mua lại nợ, chuyển đổi nợ, giảm nợ... Bổ sung, sửa đổi cơ chế chính sách quản lý về vay và trả nợ nước ngoài; tăng cường giám sát về nợ nước ngoài, hợp lý và hiện đại hóa nghiệp vụ quản lý nợ.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong quá trình thực hiện cải cách tài chính công ở Việt Nam còn *tiềm ẩn những yếu tố chưa ổn định; chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển còn thấp; nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển lớn*, nhưng mức đáp ứng vốn còn hạn chế, nhiều tiềm năng vốn trong nước và vốn nước ngoài chưa được khai thác tốt.

Đầu tư của Nhà nước chiếm tỷ trọng cao, nhưng mức đóng góp vào tăng trưởng thấp, chưa tương xứng. Quy mô tài chính còn nhỏ, cân đối ngân sách nhà nước chưa thực sự vững chắc, tỷ trọng thuế trực thu còn thấp. Vốn đầu tư thực hiện tăng, nhưng tỷ trọng vốn đầu tư nước ngoài trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội có xu hướng giảm do tốc độ tăng vốn đầu tư nước ngoài thực hiện chậm hơn tốc độ tăng vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác.

Cơ cấu đầu tư nước ngoài còn mất cân đối cả về cơ cấu vùng và ngành. Đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ có xu hướng giảm sút so với các năm trước. Mặc dù, Chính phủ đã áp dụng chính sách ưu đãi, nhưng đầu tư nước ngoài vào các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn chưa đáng kể. Chưa chú ý khai thác vốn thông qua các "kênh" gián tiếp và thông qua thị trường vốn. Phạm vi đánh thuế còn hạn hẹp, hệ thống thuế chưa bao quát hết các nguồn thu nhập, bỏ sót nguồn thu và đối tượng nộp thuế.

Tính dàn trải trong chi ngân sách nhà nước chưa được khắc phục, bao cấp chưa được xóa bỏ triệt để; hiệu quả đầu tư còn thấp; thất thoát, lãng phí trong quản lý và sử dụng đất đai, quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản và chi tiêu ngân sách còn nghiêm trọng, chi tiêu hành chính còn nhiều bất hợp lý, chi ngân sách cho một số lĩnh vực nhu cầu chăm lo phát triển con người như giáo dục, y tế chưa đáp ứng nhu cầu cần thiết. Trong nông nghiệp còn nặng về đầu tư thủy lợi

(chiếm khoảng 70%) chủ yếu phục vụ trồng lúa; việc đầu tư cho các lĩnh vực khác nhau như nghiên cứu giống cây con, chuyển giao công nghệ, chế biến để nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm nông nghiệp còn hạn chế. Trong công nghiệp và các ngành kinh tế còn quá chú trọng đầu tư để tăng công suất (số lượng) chưa chú ý đến đầu ra của sản phẩm; công tác quy hoạch ngành còn nhiều hạn chế. Hệ số ICOR những năm 1991 - 1995 khoảng 3,5 (để tăng được 1 đồng GDP cần đầu tư 3,5 đồng), những năm 1996 - 2000 hệ số này là 5 và từ năm 2001 - 2007 là 4,58.

Như vậy, trong khi tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng vượt so với mục tiêu Đại hội X đề ra, tốc độ tăng trưởng kinh tế có tăng, nhưng chưa tương xứng với mức đầu tư bỏ ra.

Sở dĩ có tồn tại trên là do các nguyên nhân: Thể chế tài chính trong kinh tế thị trường chậm hình thành, hệ thống chính sách, pháp luật về tài chính thiếu đồng bộ, thiếu nhất quán, thậm chí còn mâu thuẫn, nên đã cản trở quá trình vận hành theo cơ chế thị trường, chưa tạo ra hành lang thuận lợi để phát huy hết các tiềm năng và nguồn lực của nền kinh tế. Trong quá trình hoàn chỉnh hệ thống pháp luật theo hướng tiến tới một mặt bằng pháp lý chung đã có những thay đổi bất lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài. Chẳng hạn, việc thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp đã giảm ưu đãi về thuế, nhất là đối với các dự án đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất tại các trung tâm đô thị lớn và các dự án thuộc danh mục đặc biệt khuyến khích đầu tư. Việc giảm ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các dự án đầu tư nước ngoài cũng như chính sách đối với ô-tô, xe máy đã làm cho nhiều nhà đầu tư lo ngại về sự thiếu nhất quán của chính sách đầu tư nước ngoài của nước ta, đồng thời, cản trở việc quyết định đầu tư của một số dự án, trong đó có những dự án quy mô lớn, sử dụng công nghệ cao.

Nhiều dự án đầu tư vào các lĩnh vực dịch vụ gặp ách tắc do chủ trương chưa rõ ràng, các vướng mắc trong công tác quy hoạch ngành chưa được tháo gỡ, cản trở các nhà đầu tư. Việc suy giảm đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ đã làm hạn chế kết quả thu hút đầu tư nước ngoài. Nhận thức về vai trò của tài chính và thị trường vốn trong việc mở đường, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội còn hạn chế, nên tư duy trong hoạch định chính sách tài chính và phát triển thị trường tài chính chậm đổi mới, thiếu tính đột phá trong hoạch định chính sách. Trong nhận thức còn nặng về tư duy "tài chính phục vụ sản xuất", "tài chính bảo đảm vốn cho mọi hoạt động" dẫn đến người có thẩm quyền quyết định đầu tư không gắn với thẩm quyền phân bổ vốn, kết quả là quyết định đầu tư vượt quá khả năng nguồn vốn đầu tư, làm cho vốn đầu tư dàn trải, nợ xây dựng cơ bản lớn, đầu tư kém hiệu quả.

Chưa có sự kết hợp chặt chẽ giữa chiến lược phát triển các ngành kinh tế với chiến lược tài chính, chiến lược thuế... dẫn đến sự chấp vá trong việc hình thành cơ chế, chính sách; đồng thời làm cho chính sách thường xuyên thay đổi, gây mất ổn định trong môi trường đầu tư. Công tác phân tích dự báo chưa được coi

trọng đúng mức khi nghiên cứu hoạch định chính sách, dẫn đến thường xuyên phải bổ sung, sửa đổi, tạo ra sự không đồng bộ, không nhất quán. Tư tưởng bao cấp, tâm lý muốn được Nhà nước bảo hộ còn nặng nề; thói quen và dấu ấn quản lý theo kiểu cũ vẫn tồn tại và không dễ xóa bỏ đã gây cản trở không nhỏ cho quá trình đổi mới trong lĩnh vực tài chính.

Các doanh nghiệp còn có tư tưởng trông chờ vào nguồn tín dụng ưu đãi, không muốn huy động trên thị trường vốn. Trong quản lý còn nặng về tư tưởng "xin - cho". Chẳng hạn, trong xây dựng cơ bản xuất hiện tình trạng "xin - cho" trong việc bố trí vốn đầu tư, bổ sung vốn kế hoạch hàng năm, ưu đãi về tín dụng, miễn giảm thuế... ; không những xin cho về cơ chế, mà còn xin nói lỏng cơ chế (như xin kéo dài, chậm chước các thủ tục đầu tư hoặc xin những "vận dụng" trái nguyên tắc). Chưa kiên quyết trong việc đẩy nhanh tiến trình sắp xếp, chuyển đổi sở hữu và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước làm tiến trình cổ phần hóa chậm so với kế hoạch, nhất là các doanh nghiệp nhà nước lớn, làm ảnh hưởng đến sự phát triển của nhiều lĩnh vực, đặc biệt là làm hạn chế sự phát triển của thị trường chứng khoán. Chưa kiên quyết trong việc chuyển nhanh các đơn vị sự nghiệp sang thực hiện cơ chế tự chủ tài chính. Triển khai thực hiện cải cách hành chính trong ngành tài chính tiến triển chậm, công tác tổ chức, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có năng lực quản lý trong các lĩnh vực tài chính đã được tăng cường, nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu đòi hỏi thực tiễn.

2 - Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tài chính công trong thời gian tới

Xu hướng chung hiện nay, các nước trên thế giới đang thúc đẩy một cách mạnh mẽ cải cách hoạt động tài chính công. Có nhiều lý do, song chủ yếu vẫn là:

Xét ở góc độ vật chất, tài chính công là một phần của cải của xã hội dưới hình thức giá trị được giao cho khu vực công sử dụng. Trên thực tế hiện nay, đa phần nguồn của cải đó đang bị khu vực công sử dụng chưa được hiệu quả như mong muốn, trong khi nguồn lực của đất nước có hạn.

Ở nhiều góc độ, hoạt động của tài chính công có ảnh hưởng rất lớn đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nếu hoạt động của tài chính công được triển khai theo hướng tích cực, phù hợp với xu thế cải cách hành chính, đáp ứng với những đòi hỏi hợp lý của các lực lượng thị trường sẽ là động lực thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Ngược lại, nếu hoạt động của tài chính công không hiệu quả, không thích ứng với bối cảnh kinh tế, xã hội mới, thì sẽ là lực cản cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Cải cách hoạt động tài chính công là xu hướng phổ biến của các nước có liên quan mật thiết với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và là yêu cầu bắt buộc đối với các nước khi tham gia vào các tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế.

Cải cách tài chính công ở nước ta cần phải vừa góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vừa phù hợp với yêu cầu của quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Mặc dù đã hơn 20 năm đổi mới, nhưng cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp vẫn chưa hoàn toàn bị xóa bỏ. Nhiều hoạt động của nền kinh tế rất có thể "nhân danh" vì lợi ích chung, vì thực hiện vai trò quản lý của Nhà nước mà tài chính công bị lợi dụng và lạm dụng. Vì thế, để đổi mới tài chính công có hiệu quả, cần nắm vững quan điểm của Đảng và Nhà nước trong việc chuyển nền kinh tế nước ta sang nền kinh tế thị trường.

Cải cách phải phù hợp với yêu cầu mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế. Mở cửa và hội nhập nền kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế khu vực và quốc tế đòi hỏi Việt Nam phải tuân thủ những luật chơi chung đã cam kết với các tổ chức khu vực và quốc tế. Điều đó đòi hỏi phải có những cải cách về mặt hành chính, trong đó có cải cách tài chính công sao cho phù hợp với những quy định và cam kết quốc tế, bảo đảm nâng cao năng lực quản lý nhà nước về kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và của nền kinh tế là vấn đề có ý nghĩa sống còn.

Trên cơ sở đó, những mục tiêu cần phải đạt được trong thời gian tới là:

- Bảo đảm *tiết kiệm và hiệu quả* các khoản chi tài chính của khu vực công. Các khoản chi tài chính của khu vực công đa phần là do ngân sách nhà nước đảm nhận, có đặc điểm không hoàn trả trực tiếp, không có tính chất ngang giá, lại có phạm vi rộng, khối lượng chi lớn. Thực tế của các nước cho thấy các khoản chi này hiệu quả thấp, lãng phí còn lớn. Vì vậy, cần coi trọng và thực hiện bằng được mục tiêu tiết kiệm và hiệu quả các khoản chi của khu vực công trong quá trình cải cách, đổi mới tài chính công.

- Cải cách, đổi mới tài chính công phải hướng tới mục tiêu *thúc đẩy mạnh mẽ công cuộc cải cách hành chính nhà nước*, bảo đảm cho bộ máy hành chính hoạt động tốt hơn (trung thực, minh bạch, gần dân hơn, không cửa quyền, không tham nhũng) chuyên nghiệp hơn, điều hành có hiệu quả hơn hoạt động kinh tế - xã hội của đất nước. Hoạt động của tài chính công không chỉ có tác dụng cung cấp nguồn lực tài chính cho bộ máy công quyền hoạt động, mà điều quan trọng là phải thông qua hoạt động tài chính công để có tác động mạnh mẽ đến việc điều chỉnh tổ chức và tính hiệu quả của hoạt động bộ máy. Vì vậy, gắn việc cải cách đổi mới tài chính công với bộ máy trong sạch vững mạnh được coi là một trong những mục tiêu quan trọng của cải cách, đổi mới tài chính công.

- Thông qua cải cách, đổi mới hoạt động tài chính công phải bảo đảm cho việc *sản xuất và cung cấp hàng hóa dịch vụ công cộng công bằng và hiệu quả hơn*. Ngày nay, đa phần các nguồn lực của tài chính công đều được sử dụng cho việc sản xuất và cung cấp hàng hóa và dịch vụ công cộng. Hầu hết việc sản xuất và cung cấp hàng hóa dịch vụ công cộng đều do bộ máy công quyền từ trung ương đến địa phương đảm nhận. Nếu bộ máy công quyền thiếu trung thực, không minh bạch, nạn tham nhũng diễn ra tràn lan, thì việc sản xuất và cung cấp hàng hóa, dịch vụ công cộng khó đạt được yêu cầu công bằng và hiệu quả. Do đó, vấn đề đặt ra là việc cải cách, đổi mới hoạt động tài chính công phải

hướng vào mục tiêu bảo đảm công bằng và hiệu quả. Tài chính công có cấu trúc đa dạng bao gồm nhiều thành phần như đã đề cập ở phần trên. Hoạt động của tài chính công thực chất là hoạt động của các thành phần của tài chính công. Do đó, nội dung đổi mới, cải cách tài chính công là đổi mới thu - chi ngân sách nhà nước, đổi mới hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước, đổi mới tài chính của các cơ quan công quyền, các đơn vị sự nghiệp công lập...

- Đối với thu - chi ngân sách nhà nước nội dung đổi mới bao gồm đổi mới chính sách, cơ chế, quy trình làm thay đổi căn bản cách thức thu - chi ngân sách nhà nước, bảo đảm ngân sách nhà nước thực sự là công cụ điều tiết vĩ mô của Nhà nước.

- Đối với hoạt động các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, nội dung đổi mới là gia tăng tỷ trọng huy động các nguồn lực tài chính nhân rộng của xã hội trên cơ sở bảo đảm tính hợp pháp của số lượng các quỹ và sử dụng chúng một cách có hiệu quả.

- Đối với tài chính của các cơ quan công quyền và các đơn vị sự nghiệp công lập, nội dung đổi mới là tập trung nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn việc đổi mới với công cuộc cải cách hành chính và việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ công cộng công bằng và hiệu quả.

Trên cơ sở những mục tiêu trên, nhiệm vụ đặt ra đối với cải cách tài chính công trong thời gian tới là:

- Tiếp tục cải cách thuế cho phù hợp với tình hình đất nước; yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phù hợp với và các cam kết quốc tế. Bổ sung, hoàn thiện, đơn giản hóa các sắc thuế, từng bước áp dụng hệ thống thuế thống nhất, không phân biệt doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế nào. Cơ cấu lại nguồn thu, khắc phục tình trạng hạn hẹp trong phạm vi đánh thuế gây ra bỏ sót nguồn thu và đối tượng nộp thuế, đáp ứng yêu cầu động viên thu nhập quốc dân vào ngân sách nhà nước. Hiện đại hóa công tác thu thuế và đổi mới quản lý thu thuế.

- Cần tiếp tục hoàn thiện phân cấp ngân sách bảo đảm tính thống nhất của hệ thống tài chính quốc gia và vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương; đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương và các ngành trong việc quản lý tài chính và ngân sách đã được phân cấp.

- Khắc phục tình dàn trải trong chi ngân sách nhà nước và cơ cấu lại hợp lý các khoản chi ngân sách, bảo đảm tính hiệu quả và công bằng trong chi tiêu ngân sách nhà nước. Cần đổi ngân sách một cách tích cực. Nâng cao hiệu quả đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước từ xác định chủ trương, lập và duyệt dự án đến thực hiện dự án.

- Tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với các đơn vị hành chính và sự nghiệp theo Nghị định số 130/2005/NĐ - CP và Nghị định số 43/2006/NĐ - CP của Chính phủ đã ban hành.

- Nhà nước cần khẩn trương nghiên cứu để trình Quốc hội thông qua Luật Quản lý, sử dụng tài sản; nó là một trong những biện pháp quan trọng để thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các nghị quyết, chủ trương của Đảng và Nhà nước về đổi mới, sắp xếp lại hệ thống doanh nghiệp nhà nước; đặc biệt là cơ chế quản lý vốn, tách bạch tài chính doanh nghiệp với tài chính nhà nước.

- Nâng cao năng lực và hiệu lực hoạt động của các cơ quan có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát kết quả quản lý và sử dụng tài chính công.

- Quy định rõ ràng trách nhiệm vật chất của những người đứng đầu cơ quan chính quyền nhà nước mỗi cấp trước kết quả quản lý tài chính công của cấp đó.

- Đổi mới công tác thanh tra, giám sát tài chính trong toàn bộ quá trình quản lý tài chính công(**).

Chú thích

** Bài đã đăng trên Tạp chí *Cộng sản*, số 788/2008